TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh**.**

***Hội thẩm nhân dân*:** 1. Ông Nguyễn Văn Hoàng.

2. Bà Trần Thị Năm.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly –Công chức Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 197/2019/TLST- HNGĐ ngày 16/9/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 28/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1999 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Hải H, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Anh Đặng Minh T, sinh năm 1993
Địa chỉ: ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An

(Bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của chị Trần Thị Mỹ L trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Bắc H. Lúc đầu về hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây chồng chị thường xuyên ăn nhậu, về nhà là kiếm chuyện đánh đập vợ con, không làm ra tiền. Mỗi khi con chị bị bệnh thì chị phải ẵm con về nhà mẹ ruột để xin tiền chữa bệnh

cho con, khi con hết bệnh thì quay về nhà chồng. Phía gia đình chồng không can ngăn mà còn chửi bới chị. Chị đã nhiều lần tâm sự, khuyên chồng thay đổi nhưng chồng chị không thay đổi. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chồng là anh Đặng Minh T

Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Thị Ngọc B sinh ngày 30/7/2018, Chị L đồng ý để anh Th trực tiếp nuôi con, chị không tranh chấp về việc nuôi con và không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết

Bị đơn anh Đặng Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 16/09/2019; thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào ngày 02/10/2019. Nhưng tại hai buổi tòa án tổ chức hòa giải: lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 02/10/2019 và lần 2 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 22/10/2019 nhưng anh Th cố tình vắng mặt không lý do. Do đó trong hồ sơ không thể hiện ý kiến của anh Th.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Th vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019 nhưng tại phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 11/11/2019, anh Th vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Tòa án đã có quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh Th, nhưng tại phiên tòa xét xử ngày 28/11/2019, anh Th vẫn vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh Th kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc H nên cuộc hôn nhân của Chị L và anh Th là hôn nhân hợp pháp. Theo như Chị L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì trong thời gian chung sống anh Th thường xuyên nhậu nhẹt, ngược đãi, đánh đập, hành

hạ vợ con, từ đó vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn có nhiều bất hòa, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nhận thấy không thể sống chung được nữa nên Chị L yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn.

Tại phiên Tòa Chị L cương quyết xin ly hôn. Anh Th cố tình vắng mặt không lý do từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, nên không thể hiện ý kiến. Xét thấy thời gian giữa chị Lan và anh Th chung sống có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L trình bày giữa Chị L và anh Th có 01 con chung là cháu Đặng Thị Ngọc B, sinh ngày 30/7/2018, hiện đang sống với anh Th. Khi ly hôn, Chị L đồng ý để anh Th trực tiếp nuôi con, chị không tranh chấp về việc nuôi con và không cấp dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 điều 81 luật Hôn nhân gia đình quy định: "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con." Xét thấy, cháu Bhiện tại đang do gia đình anh Th nuôi dưỡng và Chị L đồng ý giao con cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng, không tranh chấp về việc nuôi con. Do đó việc giao cháu Bcho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp quy định pháp luật.

Về phần cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa, chị Lan trình bày phần cấp dưỡng chị tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án ghi nhận. Anh Th vắng mặt nên không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ L

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Đặng Minh T.

2. Về con chung: Anh Đặng Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung tên Đặng Thị Ngọc B, sinh ngày 30/7/2018. Chị Trần Thị Mỹ L không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí khi ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị L đã nộp theo biên lai thu số 0000600, ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
-Toà án tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc Ánh